

Bản án số: 113/2020/HC-PT

Ngày: 02-7-2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Việt Cường**.

*Các Thẩm phán:* Ông **Trương Công Thi**.  
Ông **Lê Tự**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** Ông **Nguyễn Nam Anh**  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02-7-2020, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 109/2020/TLPT-HC ngày 16-01-2020 về “**Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai**”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2019/HC-ST ngày 20-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 952/2020/QĐ-PT ngày 08-6-2020, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà **Hồ Thị B**, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Số 59, A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Văn N** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện E (Giấy ủy quyền số 112/UQ-UBND ngày 20-11-2017), có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện E:*

**1. Ông Ngô Văn T** - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E, vắng mặt.

**2. Ông Nguyễn Tất Đ** - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E, có mặt.

**3. Bà Phạm Thị Đ - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, có mặt.**

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**1. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, tỉnh Đắk Lắk.**

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Phạm Thị Đ - Chức vụ: Giám đốc, có mặt.

**2. Ông Lê Văn Đ; địa chỉ cư trú: Số 59, A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.**

**3. Anh Lê Thế C; địa chỉ cư trú: Số 59, A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.**

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện trình bày:*

Ngày 20-01-1990, bà Hồ Thị B (Hồ Thị H) nhận chuyển nhượng của ông Y (nay đã chết) một thửa đất có diện tích khoảng 776,49 m<sup>2</sup> (đo bằng gang tay) tại Buôn A1, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vị trí: phía Đông giáp mặt đường lớn, phía Tây giáp đất ông Y, phía Nam giáp đất ông M và ông T, phía Bắc giáp đất ông Đ. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà (B) quản lý và sử dụng ổn định từ đó đến nay, không có ai tranh chấp.

Năm 2010, Nhà nước có Dự án nâng cấp đường A - L nên ngày 19-11-2010, Tổ chuyên viên giúp việc cho Hội đồng giải phóng mặt bằng công trình A - L lập “Biên bản phúc tra về đất đai, cây cối hoa màu trên đất thu hồi để xây dựng công trình đường A - L”, có nội dung thu hồi của gia đình bà (B) diện tích 320,7 m<sup>2</sup> để mở rộng đường. Tuy nhiên, ngày 21-11-2011, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện E lại ban hành Quyết định số 2367/QĐ-UBND chỉ thu hồi 271 m<sup>2</sup> đất, còn thiếu của gia đình bà diện tích 49,7 m<sup>2</sup>. Ngoài ra, các tài sản trên đất bị thu hồi còn thiếu gồm: 01 ngôi nhà xung quanh thưng ván, diện tích 113,6 m<sup>2</sup> (nhà có 130 tấm ván loại gỗ căm xe).

Ngày 23-9-2011, ông Nguyễn Trọng C (nhân viên Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E) mới đến nhà bà (B) giao Thông báo số 22/TB-UBND ngày 25-10-2009 của UBND thị trấn E về việc không lấn chiếm, coi nới và làm mới các công trình vào phạm vi giải tỏa để làm đường A - L.

Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện E bắt đầu thiết lập và ngày 26-7-2012, UBND huyện E ban hành Quyết định số 1376/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ dân có đất bị thu hồi (trong đó có gia đình bà B) để xây dựng công trình đường A - L.

Như vậy, UBND huyện E ban hành 02 quyết định nêu trên, nhưng không thông báo hoặc giao cho gia đình bà; đồng thời, không bồi thường căn nhà ván cấp 4, có diện tích 113,6 m<sup>2</sup> và số tiền bồi thường giá đất 2.200.000 đồng/m<sup>2</sup> là không đúng. Nay, bà Hồ Thị B đề nghị Tòa án:

- Hủy Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 21-11-2011 của UBND huyện E về việc thu hồi đất của hộ bà Hồ Thị B để xây dựng công trình đường A - L.

- Hủy một phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26-7-2012 của UBND

huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - L.

- Buộc UBND huyện E ban hành quyết định bồi thường đất với diện tích 456,95 m<sup>2</sup> theo giá thị trường hiện nay, vì diện tích đất này bà (B) nhận chuyển nhượng của ông Y từ sát mép đường cũ (đường cũ khoảng 2 m, nay là đường A).

- Bồi thường tài sản trên đất gồm: Căn nhà mái lợp tôn thiếc, thưng ván, nền lán xi măng có diện tích 113,6 m<sup>2</sup> (nhà làm năm 2009), theo “Biên bản phúc tra về đất đai, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất thu hồi để xây dựng công trình đường A - L” ngày 26-9-2011.

- Đối với các tài sản đã lên danh sách bồi thường 01 nhà bếp, 01 nhà sửa xe máy, một mái hiên của nhà xây năm 1990 và một số cây cối hoa màu bà đồng ý bồi thường số tiền 145.171.000 đồng, nhưng UBND huyện E phải thanh toán cho bà (B) trong thời hạn một tuần kể từ ngày 01-8-2019.

*Người bị kiện trình bày:*

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 25-02-2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng nâng cấp đường A - L. UBND huyện E đã giao cho các cơ quan chức năng thực hiện công tác thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng để thi công. Ngày 25-10-2009, UBND thị trấn E có Thông báo số 22/TB-UBND về việc không lấn chiếm, coi nói và làm mới các công trình vào phạm vi giải tỏa để làm đường A - L. Ngày 02-6-2010, hộ bà Hồ Thị B làm bản kê khai đất đai, vật kiến trúc cây cối hoa màu trên đất thu hồi để xây dựng công trình đường A - L. Ngày 26-9-2011, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E cùng các cơ quan chức năng đã phối hợp với hộ bà Hồ Thị B lập “Biên bản phúc tra về đất đai, vật kiến trúc cây cối hoa màu trên đất thu hồi để xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E, cụ thể:

- Diện tích đất 271 m<sup>2</sup>.

- Tài sản gồm:

- + Bán mái trước nhà chính khung gỗ xẻ nhóm III, xung quanh thưng ván dầu, mái lợp tôn thiếc sóng vuông, nền lán xi măng diện tích 34,4 m<sup>2</sup>; mái che khung gỗ nhóm III mái lợp tôn, nền lán xi măng diện tích 18,4 m<sup>2</sup> (đều làm năm 1990); bán mái của nhà nuôi gà khung gỗ xẻ nhóm III mái lợp tôn thiếc, nền lán xi măng (không ván bao che) diện tích 27,2 m<sup>2</sup>; nhà ở (đang nuôi gà) khung gỗ nhóm III, ván nhóm IV bao che xung quanh, mái lợp tôn thiếc, không trần, nền lán xi măng diện tích 40,95 m<sup>2</sup> (làm năm 2003); nhà bếp diện tích 27 m<sup>2</sup> khung gỗ nhóm III, ván nhóm IV bao che xung quanh, mái lợp ngói, nền lán xi măng (làm năm 1990); giếng nước được đào trong bếp, sâu 08 m, đường kính 1,2 m, có xây thành nắp đáy; nhà vệ sinh (làm năm 1990) xây tường gạch có tô trát, mái lợp tôn nền lán xi măng, không có bể tự hoại, diện tích 5,18 m<sup>2</sup>; mái che để làm mộc, diện tích 25,2 m<sup>2</sup> khung gỗ nhóm III, mái lợp tôn sóng vuông, nền lán xi măng (làm năm 1990); nhà sửa xe máy, diện tích 15,04 m<sup>2</sup>, khung gỗ nhóm III, vách bao che gỗ nhóm IV, mái lợp tôn thiếc sóng vuông, nền lán xi măng (không trần, không có móng nhà, nhà làm năm 2003); mái che của nhà sửa xe máy, diện tích 8,64m<sup>2</sup>, khung gỗ nhóm III, mái lợp tôn sóng vuông, nền lán xi măng (làm năm 2003); nhà ở cho thuê làm tháng 11-2009, diện tích 103,6m<sup>2</sup>, gỗ nhóm

III, vách bao che gỗ nhóm IV, nền láng xi măng, mái lợp tôn thiếc sóng vuông (không trần, không có đá học xây móng); sân láng xi măng có lát đá 4 x 6, diện tích 17,76 m<sup>2</sup> (làm tháng 11-2009); ván lót đường đi, diện tích 50,4 m<sup>2</sup> loại ván bìa nhóm IV (làm tháng 11-2009); hàng rào lưới B40 dài 35,6 m, trụ gỗ xẻ nhóm III, kích thước 5 x 10 cm, cao 1,2 m bằng 30 trụ (làm tháng 11-2010).

+ Cây trồng trên đất, gồm: Thầu dầu 60 cây, độ tuổi 03 năm; ngái 03 cây, độ tuổi 04 năm; si 01 cây, độ tuổi 01 năm; xoài 03 cây, độ tuổi 4 năm; đào tiên 01 cây, độ tuổi 12 năm; ngọc anh 01 cây, độ tuổi 10 năm; trứng cá 04 cây, độ tuổi 12 năm; cao hy thiêm 01 cây, độ tuổi 01 năm; ráy 08 bụi, độ tuổi 01 năm; phát tài 03 cây, độ tuổi 10 năm; dây ký ninh 01 bụi, độ tuổi 01 năm; đỗ trọng 16 cây (08 cây độ tuổi 08 năm, 08 cây độ tuổi 01 năm); ổi 01 cây, độ tuổi 08 năm; me 03 cây, độ tuổi 05 năm; tác 02 cây, độ tuổi 10 năm; lộc vùng 01 cây, độ tuổi 05 năm; xương rồng 09 cây, độ tuổi 04 năm; gấc 01 bụi, độ tuổi 02 năm.

Ngày 21-11-2011, UBND huyện E ban hành Quyết định số 2367/QĐ-UBND về việc thu hồi thu hồi 271 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 19, tờ bản đồ 02 (bản đồ địa chính bồi thường giải phóng mặt bằng của hộ bà Hồ Thị B để xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E).

Lý do UBND huyện E chỉ thu hồi 271 m<sup>2</sup> của hộ bà Hồ Thị B là trên cơ sở kiểm tra tờ bản đồ số 11, đo đạc năm 1993; “Biên bản phúc tra” ngày 26-9-2011; kết quả đo đạc trích lục bản đồ thu hồi đất ngày 12-9-2011 và trên cơ sở Bản án dân sự phúc thẩm 62/2008/DSPT ngày 18-4-2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xác định “... bà Hồ Thị B được quyền sử dụng diện tích đất 776,49 m<sup>2</sup>, sau khi khấu trừ lộ giới còn 504 m<sup>2</sup>, có tứ cận: Phía đông giáp đường A dài 42 m, Tây giáp đất vợ chồng ông Y, H dài 42 m, Nam giáp Đ rộng 12 m, Bắc giáp đất ông D rộng 12 m...”.

Qua xem xét hiện trạng hộ bà Hồ Thị B được quyền sử dụng theo bản án nói trên, cụ thể: 776,49 m<sup>2</sup> - 504 m<sup>2</sup> = 272,49 m<sup>2</sup> (trong đó: thu hồi đất để làm đường A là 271 m<sup>2</sup>; còn lại 1,49 m<sup>2</sup> diện tích đất này nằm tại hành lang đường Đ, đường này chưa có quyết định thu hồi và phương án bồi thường).

Trên cơ sở kết quả kê khai kiểm đếm phúc tra về đất đai, vật kiến trúc cây cối hoa màu trên đất thu hồi, Trung tâm phát triển quỹ đất E đã lập Phương án bồi thường chi tiết cho hộ bà Hồ Thị B cùng với 48 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E. Phương án bồi thường đã được công khai và trình Hội đồng thẩm định theo quy định.

Sau khi phương án bồi thường được thẩm định, ngày 26-7-2012, UBND huyện E ban hành Quyết định số 1376/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E. Trong đó, hộ bà Hồ Thị B được bồi thường 740.837.000 đồng, cụ thể: bồi thường về đất là 596.200.000 đồng, số tiền còn lại bao gồm các mục: hỗ trợ khác, bồi thường tài sản vật kiến trúc trên đất, bồi thường về cây cối hoa màu trên đất.

Như vậy, UBND huyện E ban hành Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 21-11-2011 thu hồi 271 m<sup>2</sup> đất của hộ bà Hồ Thị B và ban hành Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26-7-2012 phê duyệt phương án bồi thường chi tiết cho hộ bà Hồ Thị B để xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E được thực hiện theo đúng

trình tự, thủ tục và được thực hiện trên cơ sở kết quả kê khai kiểm đếm, kết quả tính toán lập phương án bồi thường của Trung tâm phát triển quỹ đất E, cũng như kết quả thẩm định phương án của Hội đồng thẩm định.

Sau khi phương án bồi thường chi tiết cho hộ bà Hồ Thị B được phê duyệt, UBND huyện E đã giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện việc chi trả tiền bồi thường cho bà Hồ Thị B theo quy định. Đối với tiền bồi thường tài sản trên đất, thì tại Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26-7-2012, UBND huyện E phê duyệt phương án bồi thường vật kiến trúc xây dựng trên đất và cây cối hoa màu trồng trên đất của hộ bà Hồ Thị B số tiền 145.171.000 đồng; đối với việc bà Hồ Thị B yêu cầu UBND huyện E chi trả số tiền này trong vòng một tuần, thì UBND huyện E không chấp nhận. Như vậy, nếu bà Hồ Thị B đồng ý nhận cả tiền bồi thường đất và hoa màu, thì UBND huyện E sẽ chi trả.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

*- Trung tâm phát triển quỹ đất trình bày:*

Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 62/2008/DSPT ngày 18-4-2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, thì diện tích đất của bà Hồ Thị B được công nhận là 776,49 m<sup>2</sup>, sau khi trừ lộ giới còn 504 m<sup>2</sup>. Quyết định số 1999/QĐ-UB ngày 01-02-2005 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng thị trấn E, huyện E và bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông kèm theo, thì đoạn đường A quy hoạch loại đường 2/2, quy hoạch rộng 20,5 m; thiết kế xây dựng đường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy hoạch. Lộ giới giao thông theo quy hoạch từ tim đường vào rộng 10,25 m, phần đất nằm trong hành lang thuộc đất của hộ bà Hồ Thị B theo Bản án dân sự phúc thẩm số 62/2008/DSPT ngày 18-4-2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng là:  $776,49 \text{ m}^2 - 504 \text{ m}^2 = 272,49 \text{ m}^2$ .

Việc ban hành quyết định thu hồi đất của hộ gia đình bà Hồ Thị B là căn cứ vào kết quả đo đạc thực địa và bản đồ địa chính phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, do đơn vị tư vấn lập đã được cơ quan có chức năng là Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, nghiệm thu theo quy định. Diện tích thu hồi của hộ gia đình bà Hồ Thị B là 271 m<sup>2</sup> cơ bản đúng với Bản án dân sự phúc thẩm số 62/2008/DSPT ngày 18-4-2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng. Diện tích 1,49 m<sup>2</sup> nằm tại hành lang đường Đ Nhà nước chưa thu hồi. Như vậy, bà Hồ Thị B cho rằng diện tích đất thu hồi của bà là 320,7 m<sup>2</sup> là không có cơ sở.

Về giá đất bồi thường áp dụng để xây dựng Phương án là giá đất quy định tại Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 12-01-2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk, tại mục e khoản 1 Điều 1 về phạm vi áp dụng quy định: “*Giá đất tại quy định này được sử dụng làm căn cứ: ... e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia lợi ích công cộng*”. Đất thu hồi của hộ bà Hồ Thị B là đất góc đường giao nhau giữa đường A và đường Đ, nên hệ số tính là 1,1 lần. Giá đất ở đường A khu nhà bà Hồ Thị B thuộc đoạn từ đường N đến đường Y giá là 2.000.000 đồng/m<sup>2</sup> x 1,1 lần = 2.200.000 đồng/m<sup>2</sup>. Như vậy, việc áp giá đất như trên để xây dựng Phương án Bồi thường giải phóng mặt bằng cho hộ bà Hồ Thị B tại thời điểm năm 2012 là đúng quy định của pháp luật.

Việc bà Hồ Thị B cho rằng không nhận được tiền bồi thường và không được bồi thường một căn nhà 113,6 m<sup>2</sup> và 130 tấm ván cấm xe và đã làm hư hỏng trong khi thu hồi đất:

+ Do UBND tỉnh Đắk Lắk chưa bố trí được kinh phí để chi trả cho các hộ có đất bị thu hồi, nên tháng 5-2016 UBND huyện E trình UBND tỉnh Đắk Lắk cho phép ứng vốn từ quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk. Ngày 29-6-2016 Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 31/QĐ-HĐQL cho UBND huyện E ứng số tiền là 7.617.080.000 đồng để chi trả tiền bồi thường cho 49 hộ có đất bị thu hồi theo Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26-7-2012 của UBND huyện E. 47/49 hộ gia đình đã tự nguyện nhận tiền theo đơn giá năm 2012 và có cam kết không khiếu nại liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng. Hộ bà Hồ Thị B không đồng ý nhận tiền, mặc dù đã được cơ quan chức năng và UBND huyện mời để vận động, giải thích nhiều lần. Như vậy, bà Hồ Thị B cho rằng gia đình bà chưa được nhận tiền bồi thường là do từ năm 2012 đến tháng 6-2016 UBND tỉnh Đắk Lắk không bố trí kinh phí để chi trả. Từ tháng 6-2016 đến nay, UBND huyện E đã nhiều lần mời để giải thích, vận động, nhưng gia đình bà Hồ Thị B không chịu nhận.

+ Việc không bồi thường căn nhà gỗ tạm có diện tích 103,6 m<sup>2</sup>: Ngày 25-10-2009, UBND thị trấn E có Thông báo số 22/TB-UBND về việc không lấn chiếm, coi nói và làm mới các công trình vào phạm vi giải tỏa để làm đường L và đường A. Lúc 8 giờ 30 phút ngày 15-11-2009, UBND thị trấn E lập biên bản với hộ gia đình bà Hồ Thị B trong lúc đang xây dựng nhà (sau này cho thuê). Tại thời điểm này, bà Hồ Thị B đang dựng khung cột nhà gỗ tạm dài 12,59 m rộng 4,4 m, cột phía ngoài giáp đường A đến tim đường A là 10,9 m (nằm ngoài biên bồi thường đường Âu cơ là 10,25 m). Trong biên bản cũng ghi rõ yêu cầu hộ bà Hồ Thị B không được xây dựng lấn ra diện tích đất quy hoạch đường A theo quy hoạch đã được phê duyệt. Ngoài biên bản trên, còn có sơ đồ xây dựng nhà kèm theo. Ngày 02-6-2010, bà Hồ Thị B đã có bản tự kê khai về diện tích đất, tài sản trên đất, nhưng năm 2010, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng lập biên bản kiểm đếm thì ngôi nhà trên đã xây dựng xong, có coi nói lấn chiếm lề đường A.

Theo quy định, việc lấn chiếm xây dựng mới vật kiến trúc sau khi quy hoạch xây dựng chi tiết đã được công bố (Quyết định số 199/QĐ-UB ngày 01-02-2005 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng thị trấn E, huyện E) hoặc Thông báo thu hồi đất ngày 25-10-2009, thì UBND thị trấn E không được bồi thường. Như vậy, việc không bồi thường nhà gỗ tạm (quán cho thuê) 103,6 m<sup>2</sup> của hộ bà Hồ Thị B là đúng quy định của pháp luật.

+ Việc không bồi thường 130 tấm ván cấm xe lót nền: Theo Biên bản lập ngày 26-9-2011 không phải 130 tấm ván gỗ cấm xe như bà Hồ Thị B ghi ở trong đơn mà là ván bìa gỗ nhóm 4, dày bình quân 3 cm, chiều dài toàn khu vực được lót 18 m, chiều rộng 2,8 m. Theo quy định, đây không phải là tài sản cố định trên đất, khi thu hồi thì gia đình tự thu hồi tái sử dụng. Tương tự như tường rào lưới B40, chỉ bồi thường phần trụ xây, còn phần lưới gia đình tự thu hồi không được bồi thường.

Từ lý do trên, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E đồng ý với ý kiến của UBND huyện E.

- Ông Lê Văn Đ trình bày:

Ông và bà Hồ Thị B trước đây là vợ chồng. Năm 1996, ông và bà B ly hôn. Nay bà Hồ Thị B yêu cầu hủy Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 21-11-2011 của UBND huyện E về việc thu hồi đất của hộ bà Hồ Thị B để xây dựng công trình đường A - L và hủy một phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26-7-2012 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - L; buộc UBND huyện E bồi thường đất với diện tích 456,95 m<sup>2</sup> theo giá thị trường hiện nay. Đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật, nhưng khi bà B được bồi thường thì phải phân chia cho ông một phần, vì tài sản khi ly hôn chưa phân chia.

- Anh Lê Thế C trình bày:

Anh là con ông Lê Văn Đ và bà Hồ Thị B. Hiện nay bà Hồ Thị B yêu cầu hủy Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 21-11-2011 và một phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26-7-2012 của UBND huyện E; buộc UBND huyện E bồi thường đất với diện tích 456,95 m<sup>2</sup> theo giá thị trường hiện nay. Đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật, nhưng khi bà B được bồi thường thì phải phân chia cho anh một phần, vì anh vẫn còn sinh sống và quản lý thửa đất này từ năm 2012 đến nay.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2019/HCST ngày 20-11-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:*

Áp dụng Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 158 và điểm b khoản 1 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 44 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ; điểm b khoản 5 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03-12-2004 của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Hồ Thị B.

- Hủy một phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26-7-2012 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - L của (đối với phần đất và tài sản hiện nay bà Hồ Thị B đang tranh chấp).

- Hủy Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 21-11-2011 của Ủy ban nhân dân huyện E thu hồi 271 m<sup>2</sup> đất của hộ bà Hồ Thị B để xây dựng công trình đường A - L.

- Ủy ban nhân dân huyện E có trách nhiệm kiểm tra xem xét tại thực địa đối với diện tích đất thu hồi của bà Hồ Thị B để ban hành quyết định thu hồi đất để giải phóng mặt bằng làm đường A - L và bồi thường theo giá hiện hành tại thời điểm thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 02-12-2019, bà Hồ Thị B kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc UBND huyện Ea Sup thu hồi diện tích đất là 447,8 m<sup>2</sup> và bồi thường theo giá trị thực tế thị trường hiện tại.

- Ngày 16-12-2019, Ủy ban nhân dân huyện E kháng cáo toàn bộ bản án.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, nên ngày 02-12-2019 và ngày 16-12-2019, bà Hồ Thị B và UBND huyện E kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người khởi kiện, đồng thời là người kháng cáo (bà Hồ Thị B) rút kháng cáo; người bị kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B và buộc bà Hồ Thị B phải chịu chi phí tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 229, khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Hồ Thị B; bác kháng cáo của UBND huyện E và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Đối với kháng cáo của người khởi kiện (bà Hồ Thị B):

Ngày 02-12-2019, bà Hồ Thị B kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc UBND huyện E phải thu hồi của gia đình bà với tổng diện tích đất là 447,8 m<sup>2</sup> và chi trả bồi thường theo giá trị thực tế thị trường hiện tại, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hồ Thị B rút kháng cáo. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 229 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Hồ Thị B.

[2.2]. Đối với kháng cáo của người bị kiện (UBND huyện E):

Ngày 16-12-2019, người bị kiện là UBND huyện E kháng cáo toàn bộ bản án, như vậy:

[2.2.1]. Về tố tụng:

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Mặc dù, đã được tổng đạt hợp lệ, nhưng người bị kiện (UBND huyện E) và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt các đương sự là thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 1 và khoản 3 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 25-02-2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng nâng cấp đường A - L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 25-10-2009, UBND thị trấn E có Thông báo số 22/TB-UBND về việc không lấn chiếm, coi nới và làm mới các công trình trong phạm vi giải tỏa để làm đường A - L cho các hộ dân, trong đó có hộ bà Hồ Thị B. Tiếp đó, ngày 21-11-2011, UBND huyện E ban hành Quyết định số 2367/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Hồ Thị B để xây dựng công trình đường A - L và ngày 26-7-2012, UBND



huyện E ban hành Quyết định số 1376/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ dân có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - L (trong đó có hộ bà Hồ Thị B). Như vậy, bà Hồ Thị B khởi kiện yêu cầu hủy 02 quyết định này là trong thời hạn quy định, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.2.2]. Về nội dung:

- Đối với kháng cáo giữ nguyên Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 21-11-2011 của UBND huyện E về việc thu hồi đất của hộ bà Hồ Thị B để xây dựng công trình đường A - L:

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 25-02-2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng nâng cấp đường A - L, thị trấn E. Ngày 25-10-2009, UBND thị trấn E có Thông báo số 22/TB-UBND về việc không lấn chiếm, coi nới và làm mới các công trình vào phạm vi giải tỏa để làm đường A - L. Ngày 02-6-2010, hộ bà Hồ Thị B làm bản kê khai đất đai, vật kiến trúc cây cối hoa màu trên đất thu hồi để xây dựng công trình đường A - L.

Ngày 26-9-2011, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E cùng các cơ quan chức năng đã phối hợp với hộ bà Hồ Thị B lập “Biên bản phúc tra về đất đai, vật kiến trúc cây cối hoa màu trên đất thu hồi để xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E” và ngày 21-11-2011, UBND huyện E ban hành Quyết định số 2367/QĐ-UBND về việc thu hồi thu hồi 271 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 19, tờ bản đồ 02 (bản đồ địa chính bồi thường giải phóng mặt bằng của hộ bà Hồ Thị B để xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E, huyện E).

UBND huyện E cho rằng lý do chỉ thu hồi 271 m<sup>2</sup> đất của hộ bà Hồ Thị B là trên cơ sở kiểm tra Tờ bản đồ số 11, đo đạc năm 1993; “Biên bản phúc tra về đất đai, vật kiến trúc cây cối hoa màu trên đất thu hồi để xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E” ngày 26-9-2011; kết quả đo đạc trích lục bản đồ thu hồi đất ngày 12-9-2011 và trên cơ sở Bản án dân sự phúc thẩm 62/2008/DSPT ngày 18-4-2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xác định “... bà Hồ Thị B được quyền sử dụng diện tích đất 776,49 m<sup>2</sup>, sau khi khấu trừ lộ giới còn 504 m<sup>2</sup>, có tứ cận: Phía đông giáp đường A dài 42 m, Tây giáp đất vợ chồng ông Y, H dài 42 m, Nam giáp Đ rộng 12 m, Bắc giáp đất ông D rộng 12 m...”.

Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án; qua đo đạc tại thực địa và thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất của hộ bà Hồ Thị B bị thu hồi đưa vào sử dụng đường làm A - L thấy có sự thay đổi về số liệu, diện tích đất bị thu hồi để làm đường là 326,1 m<sup>2</sup> (tính từ mép đường cách tim đường là 5 m) vào đất bà Hồ Thị B (5,25 m). Do đó, để xác định đúng diện tích đất bị thu hồi, Tòa án cấp sơ thẩm “Hủy quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 21-11-2011 của UBND huyện E về việc thu hồi đất của hộ bà Hồ Thị B để xây dựng công trình đường A - L” là có căn cứ.

- Đối với kháng cáo giữ nguyên Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26-7-2012 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - L (phần diện tích đất và tài sản hiện bà

Hồ Thị B đang khởi kiện):

UBND huyện E cho rằng đất thu hồi của hộ bà Hồ Thị B là đất góc đường giao nhau giữa đường A và đường Đ, nên hệ số tính là 1,1 lần. Giá đất ở đường A khu nhà bà Hồ Thị B thuộc đoạn từ đường N đến đường Y giá là  $2.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,1 \text{ lần} = 2.200.000 \text{ đồng/m}^2$  và khẳng định việc áp giá đất như trên để xây dựng Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng cho hộ bà Hồ Thị B tại thời điểm năm 2012 là đúng quy định của pháp luật; đồng thời, nêu lý do chậm chi trả tiền bồi thường là do UBND tỉnh Đắk Lắk chưa bố trí được kinh phí để chi trả cho các hộ có đất bị thu hồi, nên tháng 5-2016, UBND huyện E trình UBND tỉnh Đắk Lắk cho phép ứng vốn từ quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk. Ngày 29-6-2016 Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 31/QĐ-HĐQL cho UBND huyện E ứng 7.617.080.000 đồng để chi trả tiền bồi thường cho 49 hộ có đất bị thu hồi theo Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26-7-2012 của UBND huyện E, trong đó có hộ bà Hồ Thị B.

Tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ quy định: *“Sau năm (05) ngày, kể từ ngày gửi văn bản thông báo về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến người có đất bị thu hồi, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc chi trả hỗ trợ...”*; theo quy định này thì sau 05 ngày, UBND huyện E phải tiến hành việc chi trả hỗ trợ cho hộ bà Hồ Thị B. Tuy nhiên, kể từ khi thu hồi đất của hộ bà Hồ Thị B (tháng 11-2011), đến khi chi trả tiền bồi thường (tháng 6-2016) thời gian gần 05 năm, do đó giá đất thực tế tại địa phương có biến động, nếu chi trả theo bảng giá cũ (năm 2011), thì không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại điểm b khoản 4 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ dẫn chiếu đến khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03-12-2004 của Chính phủ quy định: *“Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi, thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi”*; mặc dù, UBND huyện E đã có quyết định thu hồi đất, nhưng không chủ động chuẩn bị kinh phí để bồi thường khi thu hồi đất của dân, nên lỗi chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ hoàn toàn thuộc về UBND huyện, do đó cần buộc UBND huyện E xem xét lại giá trị bồi thường khi thu hồi đất của bà hộ Hồ Thị B tại thời điểm chi trả tiền bồi thường. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm “Hủy một phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26-7-2012 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - L (đối với phần đất và tài sản hiện nay bà Hồ Thị B đang tranh chấp)”; đồng thời, “Buộc UBND huyện E có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tại thực địa đối với diện tích đất thu hồi của bà Hồ Thị B để ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường theo giá hiện hành tại thời điểm thu hồi đất” là đúng pháp luật.

- Đối với kháng cáo về chi phí tố tụng:

UBND huyện E cho rằng, người khởi kiện là bà Hồ Thị B yêu cầu đo đạc lại, Tòa

án cấp sơ thẩm thực hiện theo ý chí của đương sự, thì đương sự phải chịu chi phí tố tụng; người bị kiện không phải chịu khoản chi phí này.

Điều 357 của Luật Tố tụng hành chính về Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ quy định: *1) Người yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ phải nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Tòa án*”. Trong vụ án này, bà Hồ Thị B 02 lần yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ nên bà B đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 13.614.000 đồng là đúng.

Tại Điều 358 của Luật Tố tụng hành chính về Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ quy định: *“Trường hợp các bên đương sự không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định như sau: 1) Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”* và tại Điều 359 của Luật Tố tụng hành chính về Xử lý tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ quy định: *“Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ”*. Do Tòa án cấp sơ thẩm hủy cả 02 quyết định của UBND huyện E để UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường theo giá hiện hành tại thời điểm thu hồi đất, nên buộc UBND huyện phải chịu chi phí tố tụng và phải hoàn trả cho bà Hồ Thị B 13.614.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của UBND huyện E đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND huyện E phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 229 của Luật Tố tụng hành chính.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Hồ Thị B.

**2.** Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của UBND huyện E.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2019/HCST ngày 20-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**3.** Áp dụng Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B.

- Hủy một phần Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26-7-2012 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường chi tiết của 49 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình đường A - L (đối với diện tích đất và tài sản của hộ bà Hồ Thị B tại Danh sách chi tiết các hộ bồi thường, hỗ trợ công trình đường A - L thị trấn E - B hành kèm theo Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26-7-2012).

- Hủy Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 21-11-2011 của Ủy ban nhân dân

huyện E về việc thu hồi đất của hộ bà Hồ Thị B để xây dựng công trình đường A - L, thị trấn E.

- Ủy ban nhân dân huyện E có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tại thực địa đối với diện tích đất thu hồi của bà Hồ Thị B để ban hành quyết định thu hồi đất để giải phóng mặt bằng làm đường A - L và bồi thường theo giá hiện hành tại thời điểm thu hồi đất.

**4.** Quyết định về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm được thực hiện theo quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2019/HCST ngày 20-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**5.** Về án phí hành chính phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

- UBND huyện E phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008458 ngày 26-12-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, nay được chuyển thành án phí; UBND huyện E đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo đ/chỉ);
- Lưu: h/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Việt Cường**